BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN VIỆC HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

TP TRÀ VINH

CÀNG LONG

TIỂU CẦN

CHÂU THÀNH

CẦU NGANG

TRÀ CÚ

TỈNH BẾN TRE

xã Nguyệt Hoá

xã Hoà Thuận

xã Hoà Lợi

xã Hưng Mỹ

xã Hoà Minh

xã Long Hoà

xã Phước Hảo

xã Đa Lộc

xã Lương Hoà A

xã Lương Hoà

xã Song Lộc

xã Thanh Mỹ

xã Mỹ Chánh

CT0.10.1-qp_{2-3}

CT0.12.1-qp_{2-3}

CT0.12.2-qp_{2-3}

CT0.14.1-qp_{2-3}

CT0.13.1-qp_{2-3}

CT0.13.2-qp_{2-3}

CT0.11.1-qp_{2-3}

CT0.11.2-qp_{2-3}

CT0.11.3-qp_{2-3}

CT0.11.4-qp_{2-3}

CT0.5.1-qp_{2-3}

CT0.8.2-qp_{2-3}

CT0.8.1-qp_{2-3}

CT0.6.1-qp_{2-3}

CT0.6.2-qp_{2-3}

CT0.10.2-qp_{2-3}

CT0.12.2-qp_{2-3}

CT0.11.1-qp_{2-3}

CT0.2.1-qp_{2-3}

CT0.2.2-qp_{2-3}

CT0.3.1-qp_{2-3}

CT0.3.2-qp_{2-3}

CT0.3.3-qp_{2-3}

CT0.3.4-qp_{2-3}

CT0.3.5-qp_{2-3}

CT0.7.1-qp_{2-3}

CT0.7.2-qp_{2-3}

CT0.3.6-qp_{2-3}

CHỈ DẪN

I - VÙNG HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ

Vùng hạn chế	Khu vực hạn chế	Ký hiệu	Đặc điểm, phạm vi hạn chế
Vùng hạn chế 1	Khu vực liên kế nước mặn (tầng chứa nước Holocen)		Khu vực có nguy cơ xâm nhập mặn của các tầng chứa nước là vùng liền kề với khu vực bị nhiễm mặn có hàm lượng tổng chất tan hòa tan từ 1.500mg/l trở lên
	Khu vực liên kế nước mặn (tầng chứa nước Pleistocen trên)		
	Khu vực liên kế nước mặn (tầng chứa nước Pleistocen giữa - trên)		
	Khu vực liên kế nước mặn (tầng chứa nước Pleistocen dưới)		
	Khu vực liên kế nước mặn (tầng chứa nước Pliocen giữa)		
	Khu vực liên kế nước mặn (tầng chứa nước Pliocen dưới)		
	Khu vực liên kế nước mặn (tầng chứa nước Miocen trên)		

Vùng có ít nhất 1 tầng chứa nước nhạt không phải hạn chế khai thác

Vùng có tất cả các tầng chứa nước mặn (không đánh giá)

II - CÔNG TRÌNH KHAI THÁC:

II.1 - Công trình không thuộc vùng hạn chế khai thác:

1 - Công trình/Giếng khai thác đã được cấp phép:

SH-TCN — SH: Số hiệu điểm điều tra; TCN: Tầng chứa nước khai thác

2 - Công trình/Giếng khai thác chưa được cấp phép:

SH-TCN — SH: Số hiệu điểm điều tra; TCN: Tầng chứa nước khai thác

II.2 - Công trình thuộc vùng hạn chế khai thác:

1 - Công trình/Giếng khai thác đã được cấp phép và thuộc vùng hạn chế:

SH-TCN — SH: Số hiệu điểm điều tra; TCN: Tầng chứa nước khai thác

2 - Công trình/Giếng khai thác chưa được cấp phép và thuộc vùng hạn chế:

SH-TCN — SH: Số hiệu điểm điều tra; TCN: Tầng chứa nước khai thác

III - CÁC ĐƯỜNG RANH GIỚI

Ranh giới mặn 1,5g/l của các tầng chứa nước
(nét gạch chỉ phía nước mặn):

- qp_3 — Tầng chứa nước Holocen
- qp_{2-3} — Tầng chứa nước Pleistocen trên
- qp_2 — Tầng chứa nước Pleistocen giữa - trên
- qp_1 — Tầng chứa nước Pleistocen dưới
- n_2^3 — Tầng chứa nước Miocen trên

Ranh giới các vùng/ khu vực hạn chế khai thác nước dưới đất

IV - CÁC KÝ HIỆU KHÁC

- Địa giới xã/ phường/ TT
- Địa giới huyện/ thị xã/ thành phố
- Địa giới tỉnh
- Đường nhựa
- Đường rải gạch đá
- Đường đất lớn
- Sông, suối
- Đường đồng mức địa hình và giá trị (m)
- Điểm độ cao và giá trị (m)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH	TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA LIÊN ĐOÀN QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC MIỀN NAM		
		Bản vẽ số:	Tỷ lệ 1: 25.000	Năm 2024
		Tên bản vẽ:	Bản đồ phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất, huyện Châu Thành	
		Người thành lập		CN. Nguyễn Văn Quí
		Người kiểm tra		ThS. Ngô Văn Đạt
		Liên đoàn trưởng		

TỶ LỆ 1:25.000

1cm trên bản đồ bằng 250m ngoài thực tế

0 250 500 750 1000 1250

Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105° 30', múi 3°